

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HÒA
CAO BẰNG

Bản án số: 21/2020/HSST
Ngày: 09/6/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Bế Ích Hòa

+ Bà Nông Thị Dung;

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa - Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 9 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2020/TL-HSST ngày 13/4/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HS ngày 26/5/2020 đối với **bị cáo:**

Lục Văn T, sinh ngày 12/01/1996 tại xã H P, huyện Q U (nay là Q H), tỉnh Cao Bằng; nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Xóm B H, xã H P, huyện Q H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lục Văn Q (đã chết) và bà Phan Thị V; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Quảng Hòa, Cao Bằng áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm từ ngày 05/02/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Đinh Xuân C, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Xóm N T, xã MH, huyện Q H, tỉnh Cao Bằng; có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tô Thị B, sinh năm 1966;

Nơi ĐKKHKT: Thôn NN, xã L B, huyện B T, Bắc Cạn.

Tạm trú tại: Xóm P T, thị trấn T L, huyện Q H, tỉnh Cao Bằng;
có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu giờ chiều ngày 16/8/2018, Lục Văn T trú tại xóm B H, xã H Pc, huyện Q H, Cao Bằng đến tìm gặp Đinh Xuân C, trú tại xóm NT, xã M H, Q H, Cao Bằng để hỏi mượn tiền nhưng anh C không có. Do quen biết nhau và T có mối quan hệ họ hàng với vợ C, thấy T không có xe đi lại nên C đã cho T mượn chiếc xe mô tô màu đen trắng nhãn hiệu SUZUKI loại xe HAYATE, biển kiểm soát 11P1-0452. Khi mượn xe, giữa C và T thỏa thuận, Trường mượn xe trong thời gian 01 tháng, quá thời hạn nếu muốn mua lại xe thì trả cho C số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), nếu không mua thì trả lại xe cho C. Đến chiều tối cùng ngày, do cần tiền tiêu xài và đi sang Trung Quốc nên T đã đem chiếc xe mô tô đến nhà ông Ngô Văn N, tạm trú tại xóm P T, thị trấn T L, PH, Cao Bằng đặt làm tin để vay ông N số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Khi giao dịch, T nói với ông Nam nguồn gốc xe là của T mua lại với anh r, có giấy đăng ký xe, nên N đã tin tưởng cho Tg vay mượn tiền và T nói với ông N khi nào có tiền sẽ quay lại chuộc chiếc xe. Quá trình vay mượn tiền giữa ông N và T không viết giấy vay mượn, không thỏa thuận về lãi suất. Ngày 17/8/2018 T xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc để làm thuê. Quá trình làm thuê tại Trung Quốc, T không liên lạc với C và gia đình, không ai biết việc trường sang Trung Quốc làm thuê. Khoảng 03 tháng sau khi cho T mượn xe, C đi sửa xe tại hiệu sửa chữa xe Thùy D thuộc xóm P T, thị trấn TL, PH thì thấy chiếc xe mà C cho T mượn đang được sửa chữa tại đó, sau khi hỏi chuyện thì biết được T đã bán xe cho ông N với giá 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng), anh C đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan điều tra. Đến giữa tháng 01/2020 T quay trở về Việt Nam nhưng do không có tiền nên không đến gặp C và ông N để trả tiền mà đi huyện BL, tỉnh Cao Bằng chơi. Đầu tháng 02/2020, khi trở về nhà T biết việc C làm đơn tố cáo T về hành vi chiếm đoạt tài sản, được gia đình vận động nên Tg đã đến Công an huyện PH để đầu thú và nộp tiền để khắc phục hậu quả.

Theo kết luận định giá tài sản số 16/KH-HĐĐGTS ngày 12/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phục Hòa: Giá trị còn lại của xe mô tô màu đen, trắng nhãn hiệu SUZUKI, loại xe HAYATE, biển kiểm soát 11P1-0452 là 7.800.000đ (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Đồ vật, tài sản bị tạm giữ gồm: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI loại xe HAYATE, biển kiểm soát 11P1-0452; số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) T nộp để trả cho anh Đinh Xuân C. Ngoài ra, ngày 20/4/2020 bị cáo đã tự nguyện trả cho bà Tô Thị B (vợ ông Ngô Văn N) số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) mà T đã đặt xe mô tô để vay tiền ông Nam.

Ngày 06/2/2020, Lục Văn T đã nộp cho cơ quan điều tra số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để bảo đảm thay thế tạm giam.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKSQH ngày 10/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, Cao Bằng đã truy tố Lục Văn T về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Lục Văn T thừa nhận nội dung bản Cáo trạng phản ánh đúng hành vi phạm tội của mình. Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

- Bị hại Đinh Xuân C khai, bị cáo Trường đã lợi dụng việc anh cho mượn xe rồi đem đi cầm lấy tiền như Cáo trạng đã nêu. Nay bị hại yêu cầu bị cáo trả tiền trị giá xe mô là 12.000.000đ. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ án cho bị cáo T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tô Thị B khai, bà là vợ ông Ngô Văn N, chồng bà chết tháng 7/2019. Tháng 8/2018 T đặt chiếc xe mô tô SUZUKI biển kiểm soát 11P1-0452 làm tin để vay tiền chồng bà số tiền 10.000.000đ. T đã trả cho bà số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), nay bà không yêu cầu gì thêm.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa- Cao Bằng giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo T như Cáo trạng, đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Lục Văn T từ 6 đến 9 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Về trách nhiệm dân sự, áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của bị cáo T và bị hại Đinh Xuân C là bị cáo nhận xe, bị hại nhận tiền 12.000.000đ. Về vật chứng vụ án, trả chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11P1-0452 cho bị cáo Lục Văn T; trả số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) trị giá xe mô tô cho bị hại Đinh Xuân C. Ngoài ra, do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không phạt hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện về cơ bản đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên, trước và sau khi có Quyết định

khởi tố vụ án hình sự (ngày 05/3/2019), Cơ quan điều tra đã nhiều lần đến địa phương nơi Lục Văn Trường cư trú xác minh biết được Lục Văn Trường không có mặt tại địa phương, nhưng đã chưa ban hành Quyết định khởi tố bị can và ra lệnh truy nã Trường là không đúng theo quy định tại Điều 231 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về căn cứ buộc tội: Qua xét hỏi công khai và tranh luận tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại Đinh Xuân C cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó chứng minh được, ngày 16/8/2018 Trường mượn xe mô tô biển kiểm soát 11P1-0452 của bị hại Đinh Xuân C; giữa C và Tg thỏa thuận, Trường mượn xe trong thời gian 01 tháng, quá thời hạn nếu muốn mua lại xe thì trả cho C số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), nếu không mua thì trả lại xe cho C. Sau đó, T đã đem chiếc xe mô tô đến nhà ông Ngô Văn N đặt làm tin để vay ông N số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), rồi T xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc làm thuê. Đến tháng 01/2020, Trường quay trở về Việt Nam đã không đến gặp bị hại để trả tiền hoặc khất nợ mà tránh đi huyện BL, tỉnh Cao Bằng, tháng 02/2020 mới về địa phương. Hành vi của bị cáo T là lợi dụng sự tín nhiệm của bị hại C giao xe mô tô cho đã chiếm đoạt. Trị giá xe mô tô mà bị cáo chiếm đoạt được theo kết luận định giá là 7.800.000đ (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Do đó, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Việc Viện kiểm sát huyện Quảng Hòa truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo.

Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã nộp tiền tại cơ quan điều tra để trả lại trị giá xe mô tô cho bị hại; quá trình điều tra và ở phiên tòa thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, sau khi trở về địa phương bị cáo đã đến Công an huyện Quảng Hòa để đầu thú và tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo gây mất lòng tin trong quan hệ xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn nên cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật, mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung đối với những người khác đang có ý định phạm tội.

Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, sau khi xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân và các tình tiết khác của vụ án. Xét thấy, mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; tuy nhiên, trong khoảng thời gian hơn một năm (từ tháng 8/2018 đến tháng 2/2020) sau khi hết thời hạn thỏa thuận trả xe cho bị hại, bị cáo đã bỏ đi khỏi địa phương, gây khó khăn cho công tác điều tra phá án; ngoài ra, ngày 25/12/2018 bị cáo đã bị cơ quan điều tra ra thông báo truy tìm, nên Hội đồng xét xử phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe và phòng ngừa chung và nhất trí với đề nghị về mức hình phạt của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không phạt hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trường.

[6] Về số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) bị cáo đặt để bảo đảm thay thế tạm giam; Hội đồng xét xử xét thấy, từ ngày 05/02/2020 đến ngày xét xử bị cáo Trường đã thực hiện đúng các nghĩa vụ như đã cam đoan. Do đó, Hội đồng xét xử trả cho bị cáo Lục Văn T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) theo quy định tại Điều 122 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa bị hại Đinh Xuân C yêu cầu bị cáo trả tiền trị giá xe mô là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), không nhất trí nhận lại xe mô tô. Bị cáo T nhất trí mua chiếc xe với bị hại C theo thỏa thuận trước đó và đã nộp số tiền 12.000.000đ tại cơ quan điều tra để trả cho bị hại C. Sự tự nguyện thỏa thuận trên của bị cáo và bị hại không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, ngày 20/4/2020 bị cáo T đã trả số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho bà Tô Thị B (vợ ông N). Tại phiên tòa, bà B không yêu cầu gì thêm.

[8] Về vật chứng vụ án: Hội đồng xét xử trả lại tài sản cho bị cáo và bị hại như sau: Trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI loại xe HAYATE, biển kiểm soát 11P1-0452 cho bị cáo Lục Văn T; trả số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) trị giá xe mô tô cho bị hại Đinh Xuân C.

[9] Về án phí: Bị cáo Lục Văn Tg phải chịu án phí hình sự sơ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Bị cáo Lục Văn T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lục Văn T 6 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

3. Về khoản tiền đặt để bảo đảm: Áp dụng Điều 122 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả cho bị cáo Lục Văn T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Xác nhận, số tiền trên hiện Kho bạc Nhà nước huyện Quảng Hòa (huyện Phục Hòa cũ), tỉnh Cao Bằng đang quản lý theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 04/3/2020.

4. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Công nhân sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại:

- Trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI loại xe HAYATE, biển kiểm soát 11P1-0452 cho bị cáo Lục Văn T;

- Trả số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) trị giá xe mô tô cho bị hại Đinh Xuân Cương, trú tại: Xóm N T, xã M H, huyện Q H, tỉnh Cao Bằng.

Xác nhận, chiếc xe mô tô và số tiền nêu trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/5/2020.

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lục Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKS tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Cơ quan THA hình sự;
- Trại giam;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Kho bạc huyện Q. Hòa
- Bị cáo, bị hại;
- Người có q.lợi ng.vụ liên quan;
- Lưu: Án văn, THA hình sự và HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Mến

